TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 17/2023/DS-ST
Ngày: 14/4/2023.
V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất* "

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Viết Chấn.

2. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 327/2022/TLST-DS, ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST- DS ngày 03/4/2023, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố xx, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Y A T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Địa chỉ: Số xx Nguyễn Tất Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bà L: Ông Nguyễn Tiến Th, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số xx Nguyễn Tất Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

+ *Bị đơn*: Bà Lê Thị A, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Buôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà H W, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số xx Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

1/ Bà Nông Thị X, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Buôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3/ Ông Y B, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

4/ Ông Trương Văn Th, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố xx, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

+ Người làm chứng: Bà Đoàn Thị Thanh D, ông Liêu Quốc H.

Địa chỉ: Thôn xx, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/7/2022 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, tại phiên tòa ông Nguyễn Tiến Th trình bày*:

Ngày 10/01/2019 bà Nguyễn Thị L nhận chuyển nhượng thửa đất số 111; tờ bản đồ số 14, diện tích 1014 m^2, mục đích sử dụng: Đất ở 400m^2, đất trồng cây lâu năm 614m^2. Địa chỉ: Buôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk của bà Đoàn Thị Thanh D và ông Liêu Quốc H. Ngày 29/01/2019 thửa đất trên được UBND huyện Krông Pắc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 485874 cho bà Nguyễn Thị L, thửa đất trên có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Đông giáp hồ nước C;
- Tây giáp đường đi và đất bà Lê Thị A;
- Nam giáp đất ông Ngôn Văn L;
- Bắc giáp đất bà A và đất ông T.

Thời điểm bà L nhận chuyển nhượng đất thì phía đất nhà bà A đã có nhà xây kiên cố, bốn phía đã có hàng rào hoặc tường nhà bao quanh, ranh đất giữa đất nhà bà A và đất bà D gồm 2 đoạn, trong đó phía Bắc đất bà L giáp tường nhà bà A và 1 đoạn hàng rào phía dưới chân xây gạch, bên trên bao lưới B40, phía Tây là hàng rào chân xây gạch, bên trên bao lưới B40.

Khi nhận đất trên thực địa thì bà D đã gọi các hộ liên kề đến thửa đất để chỉ mốc giới, thời điểm đó bà Lê Thị A cũng có mặt. Khi giao đất phía giáp đất bà A, bà D chỉ cho bà L giáp đến tường nhà bà A. Tuy nhiên, bà D có bảo với bà L là trước đó bà A có mượn một phần đất của bà Dung có chiều rộng phía giáp mặt đường khoảng 2,5m, sâu khoảng 12 mét để để trồng rau phục vụ sinh hoạt cho gia đình, khi đó bà A không có ý kiến, hay tranh chấp gì đối với ranh giới giữa hai thửa đất. Sau khi nhận chuyển nhượng đất một thời gian bà L định sang nhượng đất thì bà A cho rằng phần đất đó của bà A. Do muốn bán đất nên bà L đã xây đoạn rào trên để bà A ký giấy tờ cho bà L (Nếu bà A ký giáp ranh cho bà L bán đất thời điểm đó thì bà L sẽ cho bà A luôn phần đất đó). Nhưng sau khi xây xong đoạn gạch trên, bà A lại cho rằng phần đất ao cũng là đất bà A và không

chịu để bà L bán đất nên hiện tại trên phần đất của bà L vẫn còn đoạn gạch nói trên.

Do bà Lê Thị A luôn khẳng định phần đất ao có chiều rộng khoảng 10 mét, sâu khoảng 37mét và diện tích đất có vị trí: Tây giáp đường đi, cạnh dài khoảng 2,5m; Bắc giáp tường nhà bà A, cạnh dài khoảng 12m; Nam giáp đất bà L, dài khoảng 12m; Đông giáp đất của bà L, cạnh dài khoảng 2,5mét. Trên thực tế đất trên là đất của bà L nhận chuyển nhượng của bà D, ông H và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do bà L muốn canh tác thì bà A không cho. Do vậy bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị A trả lại diện tích đất nói trên cho bà L. Ngoài ra bà L không yêu cầu gì khác.

+ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị A trình bày:

Nguồn gốc thửa đất tôi đang sử dụng do tôi nhận chuyển nhượng của bà H W vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Thửa đất tôi nhận chuyển nhượng của bà H W có diện tích 500m^2 có tứ cận như sau:

- Đông giáp hồ C, cạnh dài khoảng 10m;
- Phía tây giáp đường đi, cạnh dài khoảng 12m;
- Nam giáp đất ông H (nay là đất bà L), cạnh dài khoảng 50m;
- Bắc giáp đất ông S (nay là đất ông T) cạnh dài khoảng 50m.

Khi nhận chuyển nhượng đất của bà H W trên đất đã có căn nhà xây có diện tích 4m x 10m và phía cuối thửa đất đã có sẵn một cái hồ (ao) rộng 10m, dài khoảng 25m. Sau khi nhận chuyển nhượng đến năm 2012 thì tôi sửa lại căn nhà trên. Cụ thể tôi nâng cao căn nhà cũ, xây nối dài ra phía sau đuôi căn nhà khoảng 10m, phía trước căn nhà cũ thì xây nối thêm một đoạn, xây hàng rào. Khi tôi nhận chuyển nhượng đất thì phần giáp ranh giữa các lô đất liền kề với đất của tôi chỉ có phía Bắc giáp đất ông S đã có hàng rào râm bụt làm ranh giới giữa hai thửa đất. Phía Nam phần giáp đất bà L như hiện tại thì ranh giới giữa hai thửa đất là bức tường của căn nhà đã có sẵn, phía sau căn nhà thì có mấy cây muồng và một cây bơ do ông H trồng làm ranh giới, còn đoạn từ ao trở xuống đến hồ C thì không có ranh giới gì cả.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất, tôi sử dụng ổn định từ năm 2006 đến nay không có tranh chấp gì với ai cả. Năm 2019, bà L nhận chuyển nhượng thửa đất của bà D, ông H, sau đó bà L cho rằng phần đất ao có diện tích khoảng 250m^2 và phần đất giáp đường có chiều rộng 2,5 m x12m là đất bà L.

Này L khởi kiện yêu cầu tôi trả lại diện tích đất có diện tích 431,25m^2. Cụ thể phần diện tích ao có chiều rộng khoảng 10 mét, sâu khoảng 37mét và diện tích đất có vị trí: Tây giáp đường đi, cạnh dài khoảng 2,5m; Bắc giáp đất của tôi, dài khoảng 12m; Nam giáp đất bà L, dài khoảng 12m; Đông giáp đất của bà L, dài khoảng 2,5m thì quan điểm như sau: Tôi không lấn chiếm đất của bà L, đất tôi sử dụng ổn định từ năm 2006 đến nay. Vì vậy, tôi không trả lại phần đất như yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

+ Quá trình giả quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y

B trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 111a, tờ bản đồ số 14 là của tôi, do tôi khai hoang mà có, sau khi khai hoang thì tôi có làm một cái nhà sàn để ở, ngoài ra tôi không trồng cây gì trên đất cả. Sau khi khai hoang tôi chỉ sử dụng một thời gian ngắn đến khoảng năm 1995 tôi chuyển đến Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk sống đến nay. Do tôi chỉ sử dụng một thời gian ngắn nên tôi không nhớ thửa đất tôi ở diện tích bao nhiêu, tứ cận như thế nào cả. Thời điểm tôi chuyển đi tôi chỉ nhớ khu vực đó còn rất hoang sơ nên tôi không biết thửa đất đó giáp với đất của những ai. Tôi chỉ nhớ diện tích đất của tôi ở rất nhỏ chiều rộng chỉ đủ làm căn nhà ở, còn chiều sâu bao nhiêu thì tôi không biết. Tại thời điểm tôi sử dụng thì thửa đất trên chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Trước khi đi tôi bán lại thửa đất đó cho một người tôi không nhớ tên. Khi bán tôi cũng không viết giấy tờ gì cho người đó cả. Từ trước đến nay tôi không kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đó. Vì sao thửa đất trên lại cấp Giấy CNQSDĐ cho tôi thì tôi không biết. Tôi đã đi khỏi thửa đất trên khoảng 30 năm rồi nên tôi không biết thửa đất trên qua những ai sử dụng. Do tôi chỉ sử dụng thửa đất trên một thời gian rất ngắn nên tôi không nhớ thửa đất đó hình dạng kích thước như thế nào cả, nên tôi không biết bà A có lấn chiếm đất của bà L hay không. Đất trên tôi đã bán đã 30 năm nay nên tôi không còn quyền lợi hay nghĩa vụ gì đối với thửa đất trên nữa. Tôi cũng không thắc mắc hay khiếu nại gì đối với việc bà Lê Thị A sử dụng thửa đất trên. Việc bà Nguyễn Thị L với bà Lê Thị A tranh chấp đất với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

+ Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị X trình bày:

Tôi là hàng xóm của bà Lê Thị A còn bà Nguyễn Thị L thì tôi không quen biết. Nguồn gốc thửa đất số 111A, tờ bản đồ số 14. Địa chỉ: Buôn Đ, xã E, huyện K là do tôi nhận chuyển nhượng của ông Y B (còn gọi là A) vào khoảng năm 1997 hay 1998 thì tôi không nhớ. Thời điểm nhận chuyển nhượng đất tôi không biết thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa. Việc chuyển nhượng chỉ thỏa thuận miệng với nhau chứ không được lập văn bản. Do thời gian nhận chuyển nhượng đất đã lâu và sau khi nhận đất tôi chỉ sử dụng một thời gian ngắn nên tôi không nhớ thửa đất trên diện tích bao nhiêu. Sau khi nhận chuyển nhượng tôi trồng cây ngắn ngày theo vị trí sau: Đông giáp hồ nước; Tây giáp đường đi; Nam giáp đất ông L, Bắc giáp đất ông S, nhưng thực tế đất tôi nhận chuyển nhượng có giáp hồ nước hay không thì tôi không biết. Đến khoảng năm 2002 hay năm 2004 thì tôi sang nhượng thửa đất cho bà H W. Sau khi nhận đủ tiền thì tôi bàn giao đất cho bà H W. Sau khi tôi sang nhượng đất cho bà H W thì tôi không còn quan tâm đến đất đó nữa. Một thời gian sau bà H W sang nhượng lại thửa đất đó cho bà Lê Thị A.

Nay bà L và bà A tranh chấp đất với nhau thì quan điểm của tôi là: Đất tôi đã sang nhượng cho bà H W đã 20 năm nay. Hiện tại tôi không còn quyền lợi hay nghĩa vụ trong thửa đất nói trên. Do vậy tôi đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

+ Quá trình giả quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H W trình bày:

Nguồn gốc thửa đất thửa đất mà hiện nay bà Lê Thị A đang sử dụng là do tôi nhận chuyển nhượng của bà Nông Thị X vào ngày ngày 31 tháng 5 năm 2004, thửa đất trên có diện tích khoảng 500m^2, có tứ cận như sau:

- Đông giáp hồ C, cạnh dài khoảng 10m;
- Tây giáp đường đi, cạnh dài khoảng 10m;
- Nam giáp đất ông L, (Nay là đất bà L) cạnh dài khoảng 50m;
- Bắc giáp đất ông S (Nay là đất ông T) cạnh dài khoảng 50m.

Thửa đất tôi nhận chuyển nhượng của bà X phần giáp ranh phía Bắc và phía Nam là ranh thẳng, không bị cong quẹo. Khi tôi nhận đất của bà X thì phía hai phía Nam và Bắc đã có hàng rào là hàng kẽm gai có sẵn, sau khi ở thì tôi có ken thêm một số đoạn do hàng rào bị hư hỏng, còn hàng rào cũ do ai rào thì tôi không biết.

Khi sang nhượng đất cho tôi thì bà X có viết giấy tay cho tôi giữ, ngoài ra thì bà X không giao thêm cho tôi bất kỳ giấy tờ gì khác, nên tôi không biết thửa đất mà tôi mua của bà X thuộc thửa đất số mấy, tờ bản đồ nào và tôi cũng không rõ nguồn gốc thửa đất trên do đâu có cả. Sau khi mua đất của bà X thì tôi xây dựng lên thửa đất đó căn nhà xây cấp 4 có diện tích khoảng 24m^2. Căn nhà mà tôi xây dựng cách ranh đất của ông L một khoảng nhỏ, tôi không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Ngoài ra tôi còn bán một phần đất cho một người tôi không rõ họ tên (người mua cho xe múc đến múc đất đem đi chổ khác) nên phía Đông đất của tôi một cái ao có diện tích khoảng gần 200m^2

Đến năm 2006 do không có nhu cầu sử dụng thửa đất trên nên tôi đã sang nhượng lại toàn bộ nhà và đất của tôi cho bà Lê Thị A, bà A đã thanh toán đủ tiền cho tôi và tôi đã giao nhà đất cho bà A sử dụng từ ngày 31 tháng 3 năm 2006 đến nay. Quá trình sử dụng tôi chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 31 tháng 3 năm 2006 tôi sang nhượng đất cho bà Lê Thị A thì hai bên chỉ lập giấy viết tay và có xác nhận của UBND xã E.

Thực tế tôi nhận chuyển nhượng thửa đất của bà X, sau đó tôi sang nhượng lại cho bà Lê Thị A thửa đất có hình thể và tứ cận: Đông giáp Hồ C rộng khoảng 10m; Tây giáp đường đi, cạnh dài khoảng 10m; Nam giáp đất ông L dài khoảng 50m; Bắc giáp đất ông S, cạnh dài khoảng 50m. Phần đất tôi nhận chuyển nhượng của bà X phần giáp ranh phía Bắc giáp đất ông S và phía Nam giáp đất ông L là ranh thẳng chứ không bị cong quẹo gì cả. Vì sao thửa đất bà A hiện nay có thêm một mảnh có chiều rộng khoảng 2,5 m, sâu khoảng 12 phía giáp với đường đi chạy dọc theo thửa đất thì tôi không biết. Đất tôi đã giao cho bà A sử dụng đến nay đã hơn 15 năm rồi nên tôi đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

+ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trương Văn Th trình bày:

Tôi là chồng của bà Nguyễn Thị L. Tôi biết vợ tôi có nhận chuyển nhượng

thửa đất 111, tờ bản đồ số 14 của bà Đoàn Thị Thanh D vào năm 2019. Tuy nhiên, khoản tiền nhận chuyển nhượng đất trên do anh em bên vợ cho vợ tôi. Tôi không liên quan đến thửa đất trên nên đề nghị Tòa án giải quyết nếu bà A lấn chiếm đất của vợ tôi thì trả lại cho vợ tôi.

+ Người làm chứng bà Đoàn Thị Thanh D, ông Liêu Quốc H cùng trình bày:

Tôi với bà Lê Thị A nguyên là hàng xóm của nhau, từ trước đến nay giữa gia đình tôi với bà A không hề có gì mâu thuẫn gì với nhau, còn bà Nguyễn Thị L thì chỉ có quan hệ mua bán tài sản ngoài ra không có quan hệ gì khác.

Nguồn gốc thửa đất 111, tờ bản đồ số 14, diện tích sử dụng 1014m^2. Địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị H ngày 14/6/2005. Ngày 24/8/2005 vợ chồng tôi được UBND huyện Krông Pắc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 977148 mang tên hộ bà Đoàn Thị Thanh D và ông Liêu Quốc H. Thửa đất trên có vị trí như sau:

- Tây giáp đường đi, cạnh dài 16,1m và giáp đất bà L, cạnh dài 10,9 m;
- Đông giáp hồ nước, cạnh dài khoảng 17,5m;
- Nam giáp đất ông L, cạnh dài khoảng 65m;
- Bắc đoạn giáp đất bà A, cạnh dài khoảng 30m; đoạn giáp đất ông T dài khoảng 37m.

Khi tôi nhận chuyển nhượng đất thì thửa đất trên đã có cái ao như hiện tại, cái ao trên do ai múc và được múc vào lúc nào thì tôi không biết.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất vợ chồng tôi sử dụng ổn định. Đến ngày 10/01/2019 do không có nhu cầu sử dụng nên tôi chuyển nhượng lại thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ dân phố xx, thị trấn Ph, huyện K. Sau khi ký hợp đồng bà L đã thanh toán đầy đủ tiền cho vợ chồng tôi và chúng tôi đã bàn giao đất cho bà L sử dụng từ đó đến nay. Việc tôi bàn giao đất cho bà L có giao đất trên thực địa có sự chứng kiến của bà Lê Thị A và ông Ngôn Văn L. Khi tôi bàn giao đất cho bà L thì bà A không có ý kiến gì cả.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 khi bà L có ý định bán đất tôi và bà L lại đến thửa đất trên và một lần nữa lại gọi bà A, ông L đến chỉ đất trên thực địa, bà A, ông L không có ý kiến gì về mốc giới giữa các bên. Tôi còn nhớ lúc đó có vẽ sơ lược về hình thể thửa đất của bà L sau đó có Buôn trưởng buôn Đ, bà A, ông L đã đồng ý ký vào bản mô tả mốc giới, ranh giới thửa đất. Tuy nhiên, sau này tôi không biết vì sao giữa bà L và bà A lại có việc tranh chấp với nhau.

Quan điểm của tôi là tôi đã sang nhượng đất cho bà Nguyễn Thị L, bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2019 đến nay. Hiện nay bà A cho rằng đất của bà A ngoài phần đất đã xây nhà và hàng rào bao quanh còn có diện tích khoảng 25m^2 có vị trí: Đông giáp đất bà L, cạnh dài khoảng 2,2m; Tây giáp đường, cạnh dài khoảng 2,5m; Nam giáp đất bà L, cạnh dài khoảng 12m; Bắc giáp đất bà A, cạnh dài khoảng 12m và toàn bộ phần đất là cái ao kéo dài từ hàng rào lưới B40 phía đuôi đất của bà A đến Hồ C tổng cộng cả hai mảnh khoảng

416m^2 là không đúng thực tế. Vì diện tích đất đó là đất tôi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc quyền quản lý sử dụng của tôi. Sau đó tôi sang nhượng cho bà L thì đất đó là đất của bà L.

* Kết quả đo đạc của Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật Trắc địa Sài Gòn - Chi nhánh Đắk Lắk và kết quả thẩm định của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc ngày 24/8/2022 thể hiện:

+ Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14. (Đất bà L): Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 488574 và Bản đồ giải thửa do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk đo đạc năm 1998 có diện tích 1014m^2 có chiều dài các cạnh như sau:

- Đông giáp hồ nước, cạnh dài 15,23m;

- Tây phần giáp đường, cạnh dài 16,37, phần giáp đất bà A, cạnh dài 10,31m;

- Nam giáp đất ông L, cạnh dài 69,53m;

- Bắc phần giáp đất bà A, dài 29,95m; phần giáp đất ông T, dài 34,94m.

+ Thửa đất số 111A, tờ bản đồ số 14. (Đất bà A): Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 543192 và Tờ bản đồ số 14 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk đo đạc năm 1998, thửa đất số 111A có diện tích 300m^2 có vị trí các cạnh như sau:

- Đông giáp thửa 111, cạnh dài 10,31m;

- Tây giáp đường đi, cạnh dài 10,10m;

- Nam giáp đất bà L, cạnh dài 29,95m;

- Bắc giáp đất ông T, cạnh dài 29,72m.

* Kết quả đo đạc ngày 24/8/2022, trên cơ sở ranh giới do đương sự chỉ thể hiện:

+ Theo bà Lê Thị A chỉ ranh giới thì thửa đất số 111A, tờ bản đồ số 14 có 02 phần gồm 627m^2 + 28,2m^2 và có chiều dài các cạnh như sau:

Diện tích 28,2m^2 có vị trí:

- Đông giáp đất thửa 111, cạnh dài 2.2m

- Tây giáp đường đi, cạnh dài 2,5m

- Nam giáp thửa 111, cạnh dài 12,3m

- Bắc giáp đất bà A, cạnh dài 12,3m

Diện tích 627m^2 có vị trí

- Đông giáp hồ nước, cạnh dài 8.48m;

- Tây giáp đường cạnh dài 12,60m, vị trí cách đường 12 mét dài 10.10m

- Nam giáp đất bà L, cạnh dài 64,07;

- Bắc giáp đất ông T, cạnh dài 61,63m.

(Dư 329,6m^2, trong đó phần đất ao là 301,4m^2 + 28.2m^2

+ Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14. Có diện tích 688,8m^2 (Chưa bao gồm phần đất ao 301,4m^2 + 28,2m^2) và chiều dài các cạnh như sau:

- Đông giáp hồ nước, cạnh dài 6,75m;

- Tây giáp đường cạnh dài 13,87m (chưa bao gồm phần đất 2,5m, mà bà A cho rằng đất bà A);

- Nam giáp đất ông L, cạnh dài 69,53m;

- Bắc giáp đất bà A, cạnh dài 64,07m.

Diện tích tranh chấp (1) diện tích 28,2m^2 có vị trí:

- Đông giáp đất thửa 111, cạnh dài 2.2m;

- Tây giáp đường đi, cạnh dài 2,5m;

- Nam giáp thửa 111, cạnh dài 12,3m;

- Bắc giáp đất bà A, cạnh dài 12,3m.

Tài sản trên đất là hàng rào xây gạch không tô cao 30cm, dài 14,5m;

Phần diện tích tranh chấp (2) có diện tích là 301, 4m^2 có vị trí:

- Đông giáp hồ, cạnh dài 8.84m.

- Tây giáp thửa 111A, cạnh dài 9,82m

- Nam giáp thửa 111, cạnh dài 34.94m

- Bắc giáp đất ông Túc, cạnh dài 31,91m.

Tài sản trên đất gồm: 03 cây bơ; 02 cây mít; 01 cây mãng cầu; 01 bụi chuối 5 cây; 02 cây muồng; 01 cây mận; Tường rào chân xây gạch cao 50cm, trụ bê tông, bao quanh bằng lưới B40 dài 6m;

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L ông Nguyễn Tiến Th, đề nghị HĐXX buộc bà Lê Thị A có trách nhiệm trả lại cho bà L tổng diện tích là 329,6m^2. Trong đó:

+ Diện tích 28.2m^2 có tứ cận như sau:

- Đông giáp đất thửa 111, cạnh dài 2.2m;

- Tây giáp đường đi, cạnh dài 2,5m;

- Nam giáp đất bà L, cạnh dài 12,3m;

- Bắc giáp đất bà A, cạnh dài 12,3m.

+ Phần đất có diện tích 301,4m2 có tứ cận như sau:

- Đông giáp hồ cạnh dài 8.84m;

- Tây giáp đất bà A , cạnh dài 9,82m;

- Nam giáp đất bà L, cạnh dài 34.94m;

- Bắc giáp đất ông T, cạnh dài 31,91m.

Đối với diện phần đất có diện tích 33,33m2 trên đất có 03 cây bơ; 01 cây mãng cầu; 01 bụi chuối; 01 cây mận, phần đất trên có vị trí: Đông giáp đất bà L, cạnh dài 10,91m; Tây giáp đất bà A, cạnh dài 10,83m; Nam giáp đất bà L, cạnh dài 2,92m; Bắc giáp đất ông T, cạnh dài 3,18m. Tuy rằng hiện tại phần đất này không nằm trong khuôn viên đất bà A. Tuy nhiên, do hiện tại bà A chỉ sử dụng diện tích trong khuôn viên đã xây dựng là 267m^2 nên bà L đồng ý để lại phần đất trên cho bà A. Đối với đoạn hàng rào lưới B40 có chiều dài 6m. Quá trình giải quyết vụ án bà L cho rằng đoạn hàng rào nói trên xây dựng trên đất bà L. Tuy nhiên, qua đối chiếu với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hàng rào nói trên không xây dựng trên đất bà L nên bà L không yêu cầu tháo dỡ. Đối với việc trong đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị A phải trả diện tích đất là 461,25m^2. Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc thì thực tế đất bà L chỉ thiếu 329.6m^2. Nên bà L xin rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 130,65m^2.

Bị đơn bà Lê Thị A vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Quá trình giải quyết vụ án bà H W, ông Y B, bà Nông Thị X, người làm chứng bà Đoàn Thị Thanh D, ông Liêu Quốc H xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự BLTTDS.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244 BLTTDS; Căn cứ Điều 166, Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1, khoản 10, Điều 12, Điều 170, Điều 202, khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Lê Thị A phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L diện tích đất đã lấn chiếm là 329,6m^2. Trong đó:

+ Diện tích 28.2m^2 có tứ cận như sau:

- Đông giáp đất thửa 111, cạnh dài 2.2m;

- Tây giáp đường đi, cạnh dài 2,5m;

- Nam giáp đất bà L, cạnh dài 12,3m;

- Bắc giáp đất bà A, cạnh dài 12,3m.

+ Diện tích 301,4m^2 có tứ cận như sau:

- Đông giáp hồ cạnh dài 8.84m.
- Tây giáp đất bà A, cạnh dài 9,82m
- Nam giáp đất bà L, cạnh dài 34.94m
- Bắc giáp đất ông T, cạnh dài 31,91m.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với diện tích đất 130,65m$^{2.}$

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức**:** Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L lập ngày 24/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất* " được quy định tại khoản 9 Điều 26 của BLTTDS.

Tại thời điểm bà Nguyễn Thị L khởi kiện, bà Lê Thị A đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: Buôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà H W, ông Y B, bà Nông Thị X, người làm chứng bà Đoàn Thị Thanh D, ông Liêu Quốc H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt bà H W, ông Y B, bà Nông Thị X, bà Đoàn Thị Thanh D, ông Liêu Quốc H.

[2]. Xét về nội dung khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị A trả cho bà Nguyễn Thị L 329,6m^2 đất. Địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Lê Thị A trả lại diện tích 28.2m^2 có tứ cận như sau:

- Đông giáp đất thửa 111, cạnh dài 2.2m
- Tây giáp đường đi, cạnh dài 2,5m
- Nam giáp đất bà L, cạnh dài 12,3m
- Bắc giáp đất bà A, cạnh dài 12,3m

Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị A cho rằng vào ngày 31 tháng 3 năm 2006, bà A nhận chuyển nhượng thửa đất số 111a, tờ bản đồ số 14 của bà H W có diện tích 500m^2 có tứ cận như sau: Đông giáp hồ C, cạnh dài khoảng 10m; Tây giáp đường đi, cạnh dài khoảng 12m; Nam giáp đất bà D, ông H (nay là đất bà L), cạnh dài khoảng 50m; Bắc giáp đất ông S (nay là đất ông T),

cạnh dài khoảng 50m. Tuy nhiên, căn cứ vào Tờ bản đồ số 14 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk đo đạc năm 1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 543192 do UBND huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/8/1998 cho ông Y B thì thửa đất số 111A, tờ bản đồ số 14 mà bà Lê Thị A đang sử dụng có diện tích 300m^2 có chiều dài các cạnh như sau: Đông giáp thửa 111, cạnh dài 10,91m; Tây giáp đường đi, cạnh dài 10,10m; Nam giáp thửa 111 (nay đất bà L), cạnh dài 29,95m; Bắc giáp đất ông S (nay là đất ông T), cạnh dài 29,72m. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án bà H W khẳng định phần đất của bà trước khi chuyển nhượng cho bà A thì ranh giới phía Bắc và phía Nam là ranh thẳng, phía Tây giáp đường đi, cạnh dài khoảng 10 mét, phía Đông giáp hồ, cạnh dài khoảng 10 mét. Như vậy, căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 543192 do UBND huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/8/1998 cho ông Y B và căn cứ lời khai của bà H W thì phía Tây thửa đất của bà A chỉ có chiều rộng là 10,10 mét, điều này phù hợp với hiện trạng thửa đất bà A đang sử dụng, việc bà A cho rằng vị trí phía Tây thửa đất của bà A chiều rộng khoảng 12m là không có căn cứ.

+ Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Lê Thị A trả lại diện tích đất 301,4m^2 có tứ cận như sau:

- Đông giáp hồ, cạnh dài 8.84m;
- Tây giáp đất bà A, cạnh dài 9,82m;
- Nam giáp đất bà L, cạnh dài 34.94m;
- Bắc giáp đất ông T, cạnh dài 31,91m.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị A cho rằng phần đất ao có chiều rộng khoảng 10 mét, dài khoảng 25 mét là của bà A. Tuy nhiên, thực tế sau khi nhận chuyển nhượng đất từ bà H W vào tháng 3/2016, bà Lê Thị A đã xây dựng, mở rộng nhà, xây tường rào kiên cố bao quanh phần đất có diện tích 267m^2 nhưng phần đất ao có diện tích 301,4m^2 thì bà A, không hề rào chắn, không sử dụng đối với diện tích đất nói trên. Hơn nữa, tuy trong Giấy sang nhượng đất lập ngày 31/3/2006 thể hiện bà H W sang nhượng cho bà A thửa đất có diện tích 500m^2 nhưng tại phần xác nhận của UBND xã E ngày 04/4/2006 trong Giấy sang nhượng đất nói trên, do bà A cung cấp thể hiện: *" Thửa đất số 111A, tờ bản đồ số 14, diện tích 300m^2. Mục đích sử dụng ổn định lâu dài. Hiện nay bà H W chuyển đi nơi khác sinh sống nên chuyển nhượng cho bà Lê Thị A. Qua kiểm tra trong sổ địa chính đứng tên ông Y B ..."*. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án ông Y B là chủ sử dụng đầu tiên của thửa đất số 111A khẳng định nguồn gốc thửa đất trên là do ông khai hoang, ông không nhớ cụ thể diện tích đất của ông là bao nhiêu, tứ cận giáp đất ai. Nhưng theo ông Y B thì diện tích ông khai hoang chỉ đủ để dựng một căn nhà nhỏ. Còn theo bà Nông Thị X là người đã nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Y B sau đó sang nhượng lại cho bà H W, khẳng định: Tuy trong giấy sang nhượng đất bà đã viết cho bà H W thể hiện lô đất có diện tích 500m^2 vị trí: Đông giáp hồ nước; Tây giáp đường đi; Nam giáp đất ông L; Bắc giáp đất ông S, còn thực tế đất bà nhận chuyển nhượng của ông Y B diện tích bao nhiêu và phần phía Đông có giáp hồ nước hay không thì bà không

biết. Hơn nữa, tại biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 21/6/2021 giữa bà Đoàn Thị Thanh D với bà Nguyễn Thị L, đã vẻ sơ đồ thửa đất mà bà D chuyển nhượng cho bà L, có sự chứng kiến của các hộ có đất liền kề là bà Lê Thị A, ông Ngôn Văn L và ban tự quản thôn buôn, thì hình thể thửa đất mô tả trong biên bản lập ngày 21/6/2021 phù hợp với hình thể thửa đất theo tờ bản đồ số 14, do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk đo đạc năm 1998, Giấy CNQSDĐ số K 543130, do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 05/8/1998 cho hộ Phạm Thị H; Giấy CNQSDĐ số AC 977148, do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 21/8/2005 cho hộ Đoàn Thị Thanh D và ông Liêu Quốc H và Giấy CNQSDĐ số CQ 488574 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/01/2019 cho bà Nguyễn Thị L thì thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14. Địa chỉ: xã E có diện tích 1014m^2 có vị trí: Phía Đông giáp hồ nước cạnh dài 15,23m; Phía Tây gồm 2 đoạn, phần giáp đường, cạnh dài 16,37, phần giáp đất bà A, cạnh dài 10,91m; Phía Nam giáp đất ông L, cạnh dài 69,53m; Phía Bắc gồm 2 đoạn phần giáp đất bà A, cạnh dài 29,95m; phần giáp đất ông T, cạnh dài 34,94m.

Điều 170 Luật đất đai năm 2013 quy định:

"1. Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất, đúng quy định về sử dụng độ sâu trong lòng đất và chiều cao trên không, bảo vệ các công trình công cộng trong lòng đất và tuân theo các quy định khác của pháp luật có liên quan"

Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Từ những phân tích nêu trên HĐXX có căn cứ khẳng định thửa đất số 111a, tờ bản đồ số 14 có diện tích 300m^2 và có vị trí: Đông giáp thửa 111, cạnh dài 10,31m; Tây giáp đường đi, cạnh dài 10,10m; Nam giáp đất bà L, cạnh dài 29,95m; Bắc giáp đất ông T, cạnh dài 29,72m. Việc bà A cho rằng đất của bà A có diện tích 500m^2 phía Đông giáp hồ C là không có căn cứ. Nên cần buộc bà Lê Thị A trả lại cho bà L phần đất có diện tích đất 329,6m^2 là có căn cứ. Trong đó:

+ Diện tích 28.2m^2 có tứ cận như sau:

- Đông giáp đất thửa 111, cạnh dài 2.2m;
- Tây giáp đường đi, cạnh dài 2,5m;
- Nam giáp đất bà L, cạnh dài 12,3m;
- Bắc giáp đất bà A, cạnh dài 12,3m.

+ Phần diện tích 301,4m^2 có tứ cận như sau:

- Đông giáp hồ cạnh dài 8.84m;
- Tây giáp đất bà A , cạnh dài 9,82m;
- Nam giáp đất bà L, cạnh dài 34.94m;

- Bắc giáp đất ông T, cạnh dài 31,91m.

Đối với 02 cây mít bà A đã trồng trên phần đất nói trên, nhưng không được sự cho phép của bà L nên cần buộc bà A di dời để trả lại đất cho bà L là phù hợp.

[3] Đối với việc trong đơn khởi kiện bà L cho rằng bà A lấn chiếm của bà L diện tích đất 130.65m2 (Bao gồm cả phần đất 33,33m2 ngoài hàng rào đất bà A như bản trích đo). Cụ thể (461,25m – 329,6m2) = 130.65m2 tại phiên tòa bà L xin rút yêu cầu đối với diện tích nói trên. Do vậy HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất này là phù hợp.

[4] Về chi phí tố tụng: Để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí cụ thể như sau: Tiền chi phí trích đo địa chính thửa đất là 5.000.000 đồng; Tiền chi phí thẩm định ngày 24/8/2022 là 1.700.000 đồng; Tiền chi phí định giá tài sản ngày 08/12/2022 là 2.900.000 đồng. Tổng cộng là 9.600.000 đồng.

- Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 130.65m2 nên nguyên đơn bà L phải chịu tiền chi phí tố tụng tương ứng với phần diện tích đất không chấp nhận là 130.65m2 số tiền là: 9.600.000đồng : (461,25m2 x 130.65m2) = 2.719.000 đồng.

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần với diện tích đất 329,6m2, nên bị đơn bà Lê Thị A phải chịu tiền chi phí tố tụng tương ứng với phần diện tích mà Tòa án chấp nhận cho nguyên đơn cụ thể: 9.600.000đồng : (461,25m2 x 329,6m2) = 6.960.000đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và Tòa án đã chi phí xong, nên buộc bị đơn bà A phải trả cho nguyên đơn số tiền 6.960.000đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, bị đơn bà Lê Thị A, sinh năm 1955, theo Điều 2 Luật người cao tuổi thì bị đơn bà A là người cao tuổi. Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án, miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Lê Thị A.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L được chấp nhận nên bà L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 3.750.000đ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp.

[6]. Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 266; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 175 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 10 Điều 12, Điều 166, Điều 170, Điều 202, khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Lê Thị A phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L diện tích đất lấn chiếm là 329,6m^2. Trong đó:

+ Diện tích đất 28.2m^2 có tứ cận như sau:

Đông giáp đất thửa 111, cạnh dài 2.2m;

Tây giáp đường đi, cạnh dài 2,5m;

Nam giáp đất bà L, cạnh dài 12,3m;

Bắc giáp đất bà A, cạnh dài 12,3m.

+ Diện tích 301,4m^2 có tứ cận như sau:

Đông giáp hồ, cạnh dài 8.84m;

Tây giáp đất bà A, cạnh dài 9,82m;

Nam giáp đất bà L, cạnh dài 34.94m;

Bắc giáp đất ông T, cạnh dài 31,91m.

Bà Lê Thị A có nghĩa vụ di dời 02 mít cây mà bà A đã trồng trên phần đất bà L.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với diện tích đất 130,65m^2.

3. Về chi phí trích đo địa chính thửa đất, thẩm định, định giá tài sản.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền chi phí trích đo địa chính thửa đất, tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.719.000 đ (Hai triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng) số tiền này bà L đã nộp và Tòa án đã chi phí xong.

- Buộc bà Lê Thị A phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền chi phí trích đo địa chính thửa đất, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.960.000đ (Sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

4. Về án phí: Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 3.750.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2021/0016385 ngày 28/7/2022.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Lê Thị A.

Nguyên đơn, người đại ủy quyền cho nguyên đơn, bị đơn, có mặt tại phiên

toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

T.M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.